TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Xuân Tri.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Dương Văn Thạnh.
Bà: Zơ Râm Thị Nhung.

-Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà: Vũ Thị Xuân. Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

B; sinh ngày 02 tháng 12 năm 1988 tại thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú tại Tổ 4, thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông T (đã chết) và bà V; có 01 con sinh ngày 19 tháng 10 năm 2017; tiền án không có, tiền sự không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017 đến ngày 25 tháng 12 năm 2017 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo:
Ông: Lương Đình Nam - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

-Bị hại:
Ông: M; sinh ngày 23 tháng 10 năm 1987; nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

-Nguyên đơn dân sự:
Bà: P; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1988; nơi cư trú tại Lô , Khối phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

-Bị đơn dân sự:

Bà: N; sinh ngày 26 tháng 8 năm 1992; nơi cư trú tại Tổ , thôn M, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông: V; sinh ngày 10 tháng 02 năm 1987; nơi cư trú tại khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Ông: H; sinh ngày 12 tháng 9 năm 1990; nơi cư trú tại thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

Ông: Z, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1992; nơi cư trú tại thôn R, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Bà: L; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1966; nơi cư trú tại Khối, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Bà: T; sinh ngày 01 tháng 3 năm 1991; nơi cư trú tại Khối , thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 12 tháng 7 năm 2017, bị cáo B đang ở tại nhà bà L, trú tại Khối , thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam, bị cáo nghe có tiếng ông V đến tìm bị cáo để đòi nợ. Bị cáo lẻn ra sau nhà, nhảy qua bờ rào nhà hàng xóm rồi điều khiển xe ô tô bán tải biển số 92C - 096.24 chạy về hướng huyện Nam Giang. Nhìn thấy có người điều khiển xe ô tô chạy đi, ông V nghi là bị cáo nên ông V bảo ông M điều khiển xe ô tô hiệu Mazda biển số 92A - 048.31 chở theo ông H, ông N và ông D đuổi theo xe ô tô vừa chạy để xem người điều khiển xe ô tô đó có phải là bị cáo không.

Bị cáo đi được khoảng 100 mét và nhìn vào gương xe ô tô, bị cáo phát hiện phía sau có 01 xe ô tô bám theo, nên bị cáo tăng ga tiếp tục chạy về hướng huyện Nam Giang theo quốc lộ Hồ Chí Minh nhằm để thoát khỏi sự bám đuổi. Khi đi đến đoạn Km 1344 + 900, Quốc lộ Hồ Chí Minh, thuộc địa bàn thôn Rô, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, bị cáo nhận tin nhắn của vợ qua điện thoại. Vì lo lắng cho vợ nên bị cáo quay đầu xe ô tô chạy ngược lại hướng huyện Phước Sơn. Bị cáo đánh tay lái mở rộng ra lề đường phải rồi về số, quay đầu xe ô tô thì lốp sau xe ô tô mắc lầy ục bùn bên lề đường nên bị cáo đạp mạnh ga và đánh tay lái để xe ô tô vượt lên khỏi ục bùn. Do đánh tay lái mạnh và tăng ga nên xe ô tô bị tua bánh, xe ô tô lấn sang phần đường của làn đường đi chiều ngược lại. Bị cáo tăng lên số 3 để chuyển xe ô tô về đúng làn đường di chuyển của mình thì bất ngờ xe ô tô hiệu Mazda biển số 92A - 048.31 chạy đến vị trí đoạn cua và hơi dốc. Do hoảng hốt, bị cáo không kịp xử lý tay lái nên xe ô tô của bị cáo lao thẳng tông vào đầu xe ô tô hiệu Mazda làm cho cả 02 (hai) xe ô tô đều bị hư hỏng.

Theo kết quả giám định thiệt hại ban đầu và kết luận của Hội đồng định giá (sau đây viết tắt là HĐĐG) thì xe ô tô hiệu Mazda biển số 92A - 048.31 do bị cáo gây tai nạn bị thiệt hại giá trị là 135.067.000 (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng và xe ô tô biển số 92C - 096.24 do bị cáo điều

khiển bị thiệt hại giá trị là 132.594.000 (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Tuy nhiên, đối với xe ô tô biển số 92C - 096.24 bị cáo điều khiển là phương tiện bị cáo mượn của bà N và bà N không yêu cầu truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với bị cáo.

Sau khi tại nạn xảy ra thì ông H là người đi cùng xe ô tô với ông M có dùng tay đấm vào mặt bị cáo và theo kết luận giám định pháp y có tỷ lệ thương tích là 7%. Cơ quan Công an huyện Nam Giang đã có quyết định xử phạt hành chính đối với ông H. Phần bị cáo không yêu cầu ông H bồi thường chi phí điều trị.

Quá trình điều tra, bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nhưng bị hại và nguyên đơn dân sự không chịu nhận số tiền này nên gia đình bị cáo nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều tra) và được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Để phục vụ công tác điều tra, Cơ quan điều tra có tạm giữ của bị cáo, bị hại và của các đương sự một số tài sản, giấy tờ để chứng minh vụ án và sau đó Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên làm thủ tục theo quy định hoàn trả lại cho bị cáo, bị hại và các đương sự. Chỉ còn lại trong hồ sơ 01 giấy phép lái xe hạng B2 của bị cáo và 01 thẻ nhớ chứa dữ liệu hình ảnh gắn trên camera giám sát hành trình của xe ô tô biển số 92C - 096.24 tiếp tục tạm giữ để làm chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo B thừa nhận hành vi vào sáng ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại đoạn Km 1344 + 900, Quốc lộ Hồ Chí Minh, thuộc địa bàn thôn Rô, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, khi bị cáo quay đầu xe ô tô bị cáo đang điều khiển thì xe ô tô bị cáo bị tua bánh, xe ô tô vượt qua làn đường ngược chiều và bất ngờ xe ô tô bị cáo tông vào xe ô tô hiệu Mazda biển số 92A - 048.31 đi đúng làn đường, gây tai nạn giao thông. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về diễn biến của vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm phương tiện sau khi xảy ra tại nạn giao thông; kết luận giám định tình trạng kỹ thuật của xe ô tô biển số 92C - 096.24; kết luận định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Về trách nhiệm dân sự thì bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại và cho chủ sở hữu xe ô tô biển số 92A - 048.31. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền phát sinh mà bị hại phải thanh toán cho chủ xe ô tô biển 92A - 048.31 trong thời gian xe ô tô tai nạn bị tạm giữ cho đến khi sửa chữa xong bàn giao. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại xe ô tô theo kết luận của HĐĐG; ngoài ra bị cáo còn phải bồi thường thêm các khoản chi phí khác.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo B về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định lại hành vi của bị cáo B khi quay đầu xe ô tô đã xử lý không tốt để xe ô tô lấn sang phần đường đi ngược chiều và gây tại nạn giao thông làm thiệt hại xe ô tô biển số 92A - 048.31 mà theo kết quả khám nghiệm và kết luận định giá bị thiệt hại giá trị là 135.067.000 (một trăm ba mươi lăm triệu

không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Do đó, VKSND giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nhưng bị hại và nguyên đơn dân sự chưa chịu nhận; đồng thời quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh hiện tại của bị cáo gặp nhiều khó khăn phải tiếp tục chăm sóc con còn nhỏ bị bệnh đầu nhỏ đang điều trị tại bệnh viện. Bị cáo không có mặt tại nơi cư trú, bị truy nã. Tuy nhiên, lúc đó bị cáo đang phải chăm sóc con mới sinh bị bệnh điều trị tại bệnh viện thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám tháng). Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại và của nguyên đơn dân sự.

Trợ giúp viên pháp lý Lương Đình Nam bào chữa cho bị cáo đồng ý với bản cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên (sau đây viết tắt là KSV) về hành vi phạm tội của bị cáo; khoản; tội danh; điều luật; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà KSV đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời người bào chữa còn trình bày thêm Cơ quan điều tra chưa khách quan trong điều tra, không xác định xe ô tô biển số 92A - 048.31 khi xảy ra tại nạn có điều khiển vượt quá tốc độ cho phép hay không; khi áp dụng biện pháp truy nã bị cáo nhưng chỉ xác minh sơ sài và trước đó chưa có yêu cầu bị cáo hạn chế đi lại; nên đề nghị chiếu cố giảm nhẹ và áp dụng Điều 31 của BLHS năm 1999 về hình phạt đối với bị cáo. Về vấn đề bồi thường thiệt hại, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của người bị hại buộc bị cáo bồi thường tiền thuê xe vào ngày 12 tháng 7 năm 2017 trong tổng số tiền yêu cầu bồi thường, vì thanh toán tiền thuê xe thuộc trách nhiệm chi trả của bị hại. Về án phí đề nghị HĐXX xét miễn nộp tiền án phí đối với bị cáo theo quy định vì bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp án phí.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa và không bào chữa thêm.

Bị hại trình bày ý kiến yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, tương ứng mỗi ngày chi phí phát sinh là 1.000.000 (một triệu) đồng mà bị hại đã bồi thường cho chủ xe xe ô tô biển 92A - 048.31 vì chủ xe đã có tính trừ tiền thuê xe ngày 12 tháng 7 năm 2017 cho bị hại.

Chủ xe ô tô biển 92A - 048.31 thống nhất diễn đạt yêu cầu của bị hại vì thời gian từ khi thuê xe ô tô, xe bị tai nạn chờ xử lý đến khi xe ô tô được sửa chữa bàn giao là hơn 70 (bảy mươi) ngày, một ngày thuê xe và mỗi ngày phát sinh phải bồi thường là 1.000.000 (một triệu) đồng như hợp đồng thuê xe đã thỏa thuận nhưng chủ xe đã có tính giảm trừ nên chỉ yêu cầu bị hại bồi thường số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng chi phí phát sinh do xe không giao đúng thời hạn.

Đối đáp với ý kiến của người bào chữa, KSV phân tích chứng cứ khách quan căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường và các dấu vết khác xác định được nguyên nhân xảy ra tại nạn giao thông là do bị cáo điều khiển xe ô tô đi vào làn đường của xe ô tô đi ngược chiều, do đó không cần thiết phải xác định tốc độ của

xe ô tô biển số 92A - 048.31; về việc áp dụng biện pháp truy nã bị can là đúng quy định của pháp luật, vì trước đó Cơ quan điều tra đã có nhiều lần triệu tập bị can và xác minh tại nơi cư trú nhưng không biết rõ bị can ở đâu, mặt khác trước khi khởi tố bị can thì không thể áp dụng các biện pháp để hạn chế đi lại của bị can.

Lời nói sau cùng của bị cáo trình bày hành vi vô ý của bị cáo gây tại nạn làm thiệt hại cho bị hại và chủ phương tiện. Hiện nay hoàn cảnh bị cáo rất vất vả do phải chăm sóc con còn nhỏ bị bệnh đầu nhỏ đang điều trị, nên đề nghị bị hại và nguyên đơn dân sự cho bị cáo giản thời gian bồi thường thiệt hại và mong HĐXX chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, bị hại và các đương sự không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến thống nhất cáo trạng và luận tội của đại diện VKSND; đồng thời phân tích thêm về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh hiện tại gia đình bị cáo và nêu một số ý kiến khác về đánh giá về chứng cứ là phù hợp với quyền, nghĩa vụ của người bào chữa theo quy định tại Điều 73 của BLTTHS. Ý kiến đối đáp của KSV lập luận phù hợp với chứng cứ, diễn biến của vụ án và đúng quy định của BLTTHS.

[2] Bị cáo B trong lúc cho xe ô tô chuyển hướng đã không tuân thủ các qui tắc chuyển hướng xe ô tô là phải quan sát thấy không gây trở ngại cho phương tiện khác theo quy định tại Điều 15 của Luật giao thông đường bộ 2008 và khi gặp sự cố lúc chuyển hướng không kịp thời cho xe ô tô về lại đúng làn đường nên gây tại nạn giao thông đối với xe ô tô biển số biển số 92A - 048.31 đi đúng phần đường theo chiều ngược lại. Kết quả giám định xe ô tô bị thiệt hại và kết luận của HĐĐG thì xe ô tô hiệu Mazda biển số 92A - 048.31 do bị cáo gây tai nạn bị thiệt hại giá trị là 135.067.000 (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Do đó, theo Thông tư liên tịch số: 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIX của BLHS về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông, thì hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 202 của BLHS năm 1999 như cáo trạng truy tố và luận tội của KSV là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thì trật tự an toàn giao thông đường bộ được Nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người khi tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông. Bị cáo B khi tham gia giao thông đã vi phạm Luật giao thông đường bộ trong lúc chuyển hướng, xe ô tô đi trái làn đường di chuyển. Hành vi vô ý của bị cáo đã gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của người khác; đồng thời làm mất trật tự, an toàn xã hội.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo lần đầu phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại trong lúc hoàn cảnh của bị cáo gặp nhiều khó khăn, hiện nay bị cáo cùng với mẹ của cháu bé phải nghỉ việc để liên tục chăm sóc con ruột nằm tại bệnh viện điều trị do bệnh đầu nhỏ. Ngoài ra trong hồ sơ thể hiện và tại phiên tòa bị cáo khai hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động tự do không có thu nhập, bị cáo có hộ khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo, phải trực tiếp nuôi mẹ già mất sức lao động. Dó đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 như đề nghị của KSV và phân tích thống nhất của người bào chữa.

[5] Xét tính chất, hậu quả hành vi, HĐXX thấy rằng bị cáo thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tài sản cho người khác và đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nhưng chưa được bị hại tự nguyện hòa giải nên phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, mà không áp dụng Điều 31 của BLHS năm 1999 như ý kiến đề nghị của người bào chữa. Tuy nhiên, xem xét nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, HĐXX thấy rằng thời gian đã tạm giữ, tạm giam bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo, nên thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 60 của BLHS năm 1999 đối với bị cáo như đề nghị của KSV để tạo điều kiện cho bị cáo khắc phục hậu quả của vụ án và chăm sóc gia đình trong hoàn cảnh không may mắn.

[6] Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của BLHS năm 1999 thì "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo là lao động tự do, không có chức vụ, không có nghề nghiệp. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xét về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại, bị cáo điều khiển phương tiện giao thông xe ô tô biển số 92C - 096.24 gây tai nạn làm thiệt hại tài sản của người khác. Tuy nhiên, phương tiện bị cáo điều khiển là của bà N và bà N giao hợp pháp cho bị cáo sử dụng và ngày 01 tháng 6 năm 2018 bị cáo cũng đã có thỏa thuận với bà N về việc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Do đó, căn cứ Điều 601 của Bộ luật Dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) năm 2015, bị cáo B phải chịu trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại. Bị hại và nguyên đơn dân sự đã có yêu cầu bồi thường thiệt hại, kèm theo yêu cầu, bị hại và nguyên đơn dân sự cung cấp cho Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) huyện Nam Giang chứng cứ chứng minh. Ngày 11 tháng 6 năm 2018, bị cáo đã được xem chứng cứ, tài liệu do bị hại và nguyên đơn dân sự cung cấp tại

Tòa án và bị cáo không có ý kiến gì. Tại phiên tòa, bị hại xác định lại yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền phát sinh theo thỏa thuận khi hợp đồng thuê xe mà bị hại phải bồi thường cho chủ phương tiện bị thiệt hại trong suốt thời gian xe ô tô hư hỏng tạm giữ điều tra cho đến khi sửa chữa xong bàn giao là hơn 70 (bảy mươi) ngày; mỗi ngày là 1.000.000 (một triệu) đồng; tuy nhiên bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng mà bị hại đã thanh toán cho chủ phương tiện. HĐXX thấy rằng yêu cầu của bị hại thì xe ô tô biển số 92A - 048.31 được bị hại hợp đồng thỏa thuận thuê của người khác; tiền thuê xe ô tô 01(một) ngày là 1.000.000 (một triệu) đồng và phải chịu thanh toán số tiền phát sinh xảy ra trường hợp bất khả kháng mỗi ngày là 1.000.000 (một triệu đồng). Thực tế thời gian từ khi hợp đồng thuê xe và khi xe bị tai nạn tạm giữ chờ xử lý cho đến khi sửa chữa xong bàn giao là 73 (bảy mươi ba) ngày nhưng bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền phát sinh là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng mà bị hại đã thanh toán cho chủ phương tiện là phù hợp thực tế theo tài liệu, chứng cứ chứng minh và ý kiến trình bày của chủ phương tiện tại phiên tòa. Về yêu cầu của nguyên đơn dân sự là đúng quy định pháp luật; gồm có thiệt hại trực tiếp là chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 92A - 048.31 được HĐĐG tố tụng hình sự căn cứ vào kết quả kiểm tra ban đầu về thiệt hại của xe ô tô và giá thực tế các thiết bị thay thế theo báo giá sửa chữa với số tiền là 135.067.000 (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng; đối với khoản thiệt hại gián tiếp là chi phí thực tế thuê xe cứu hộ đưa xe ô tô hư hỏng về các địa điểm để xử lý mà nguyên đơn dân sự phải chi trả với số tiền là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng đều có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 589; Điều 601 của BLDS năm 2015 buộc bị cáo B phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và nguyên đơn dân sự. Bị cáo đã nộp được số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

[8] Xét về trường hợp bị đơn dân sự là bà N chủ phương tiện xe ô tô biển số 92C - 096.24 vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, HĐXX không xem xét.

[9] Xét về trường hợp người có nghĩa vụ liên quan H dùng tay đánh bị cáo sau khi tại nạn xảy ra đã được Cơ quan Công an huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính và bị cáo không yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại về sức khỏe; cũng như đối với người có nghĩa vụ liên quan V không có yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không xem xét. Ngoài ra, HĐXX còn thấy rằng Cơ quan điều tra cũng tiến hành xác minh ông N và ông D là 02 (hai) người cùng đi trên xe ô tô biển số 92A - 048.31 nhưng tại nơi cư trú các cơ quan chức năng đều không xác định được hiện nay 02 (hai) người này đi đâu.

[10] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS thì người bị kết án phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ nghèo được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận và bị cáo có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là UBTVQH), HĐXX miễn nộp tiền các loại án phí sơ thẩm đối với bị cáo B như phát biểu đề nghị của người bào chữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo B phạm vào tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của BLHS năm 1999; phạt bị cáo B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Giao bị cáo B cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam là nơi thường trú của bị cáo để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về dân sự:

Áp dụng Điều 42 của BLHS năm 1999; Điều 589; Điều 601 của BLDS năm 2015 buộc bị cáo B phải bồi thường cho bị hại và nguyên đơn dân sự; cụ thể:

-Bồi thường cho ông M số tiền là: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

-Bồi thường cho bà P số tiền: Chi phí sữa ô tô là 135.067.000 (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn); chi phí khác số tiền là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền phải bồi thường là 143.567.000 (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Đã bồi thường được 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 113.567.000 (một trăm mười ba triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

(Số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng được TAND huyện Nam Giang giao cho nguyên đơn dân sự tại phiên tòa)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông M và bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, bị cáo B không phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

HĐXX lưu ý một số tài liệu, chứng cứ về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhân thân do bị cáo, bị hại và các đương sự giao nộp tại Cơ quan điều tra phải thực hiện đúng thủ tục quy định về việc giao, nhận theo quy định tại Điều 88 của BLTTHS để bảo đảm giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 87 của BLTTHS.

Bị cáo, bị hại và đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các cơ quan tiến hành tố tụng;
-Ngời tham gia tố tụng;
-Công an Quảng Nam (PV27);
-Sở Tư pháp Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
-Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Xuân Tri